

Số: 141/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Về việc kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2019

Căn cứ Công văn số 17903/BTC-HCSN ngày 26/12/2012 của Bộ Tài chính về việc tổng kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT;

Thực hiện Công văn số 3074/BTC-HCSN ngày 18/3/2019 của Bộ Tài chính về việc rà soát trùng thẻ BHYT; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo việc tổng kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2019 như sau:

1. Khái quát chung:

Luật BHYT số 25/2008/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT số 46/2014/QH13 đã thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và an sinh xã hội về công bằng và phát triển trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, tạo cơ sở pháp lý cơ bản và đầy đủ nhất trong thực hiện chính sách BHYT.

Các đối tượng chính sách được Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT gồm 14 nhóm đối tượng: Cán bộ xã đã nghỉ việc hưởng trợ cấp NSNN hàng tháng; người có công với cách mạng; cựu chiến binh; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ; đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân đương nhiệm; người thuộc diện hưởng trợ cấp hàng tháng; người nghèo, dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng ĐBKK, người đang sống tại xã đảo, huyện đảo; thân nhân người có công với cách mạng; thân nhân lực lượng vũ trang, cơ yếu; trẻ em dưới 6 tuổi; người đã hiến bộ phận cơ thể; người thuộc hộ gia đình cận nghèo; học sinh, sinh viên; hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình. Tuy nhiên, trong quá trình cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng này đã phát sinh hiện tượng một người được hưởng nhiều thẻ BHYT là không đúng với chế độ và chính sách của Luật BHYT.

2. Kết quả kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách đóng, hỗ trợ tiền BHYT năm 2019:

Qua kiểm tra, rà soát tất cả 14 nhóm đối tượng tham gia BHYT được Nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT trên từng địa bàn xã, huyện, thành phố của tỉnh trong năm 2019 với kết quả đạt được như sau:



- Tổng số thẻ BHYT được kiểm tra, rà soát là 903.510 thẻ, tương ứng với tổng số tiền đã chi từ ngân sách Nhà nước là 624.395.697.791 đồng.

- Sau khi kiểm tra, rà soát, đã xác định số thẻ thực tế là 903.219 thẻ, tương ứng với số tiền ngân sách Nhà nước chi đóng, hỗ trợ đóng là 624.195.787.271 đồng.

- Tổng số thẻ cấp trùng năm 2019 là 291 thẻ, tương ứng với số tiền ngân sách Nhà nước đã cấp trùng là 199.910.520 đồng, trong đó:

+ Kinh phí cấp trùng thẻ BHYT đối với các đối tượng do trung ương quản lý là: 911.700 đồng.

+ Kinh phí cấp trùng thẻ BHYT đối với các đối tượng do địa phương quản lý là: 198.998.820 đồng.

Đối tượng người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ trùng 02 thẻ, số tiền 1.555.200 đồng; người thuộc diện trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng trùng 07 thẻ, số tiền 5.443.200 đồng; người nghèo, dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng ĐBKK, xã đảo, huyện đảo trùng 193 thẻ, số tiền 147.132.000 đồng; thân nhân công an nhân dân trùng 02 thẻ, số tiền 911.700 đồng; trẻ em dưới 6 tuổi trùng 46 thẻ, số tiền 33.016.950 đồng; người thuộc hộ gia đình cận nghèo trùng 12 thẻ, số tiền 8.882.100 đồng; học sinh, sinh viên trùng 28 thẻ, số tiền 2.669.130 đồng; hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trùng 01 thẻ, số tiền 300.240 đồng (*chi tiết theo phụ lục đính kèm*).

Nhìn chung, số thẻ BHYT được phát hiện trùng rải rác ở nhiều đối tượng, nhưng đối tượng trùng thẻ BHYT được phát hiện nhiều nhất là người nghèo, dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo, kể đến là trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên.

3. Nguyên nhân dẫn đến cấp thẻ BHYT trùng:

Qua quá trình kiểm tra, rà soát và xác định đối tượng trùng thẻ BHYT do ngân sách Nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng trên địa bàn huyện, thành phố thuộc tỉnh Kiên Giang, UBND tỉnh nhận thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc cấp trùng thẻ BHYT như sau:

- Việc lập danh sách nhóm đối tượng tham gia BHYT do nhiều cơ quan cùng thực hiện: Cơ quan Công an, Quân đội, trường học, UBND các xã, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội... quá trình triển khai độc lập, không có sự phối hợp rà soát, đối chiếu do đó không kiểm soát được các đối tượng; quy trình lên danh sách, rà soát... từ cơ sở tổ, ấp, xã thực hiện chưa chặt chẽ, do đó trường hợp một người thuộc nhiều nhóm sẽ dẫn tới khả năng được cấp nhiều thẻ.

- Mặc dù Bảo hiểm xã hội tỉnh đã có ứng dụng công nghệ thông tin trong việc theo dõi và tránh tình trạng trùng lắp thẻ BHYT, nhưng việc thẩm định danh sách đề nghị mua thẻ BHYT của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện chuyển Bảo hiểm xã hội in thẻ căn cứ vào danh sách do UBND xã



đưa lên, trong khi các thông tin theo danh sách này không giống nhau, không đầy đủ thông tin (trường hợp cùng tên, ngày tháng năm sinh nhưng 01 địa chỉ có ghi số nhà, ấp, xã, 01 địa chỉ chỉ ghi xã, huyện; trường hợp chỉ có năm sinh không có ngày sinh, tháng sinh; trường hợp cùng một đối tượng giống nhau về ngày tháng năm sinh, địa chỉ cụ thể nhưng giới tính nhầm lẫn ghi khác nhau...).

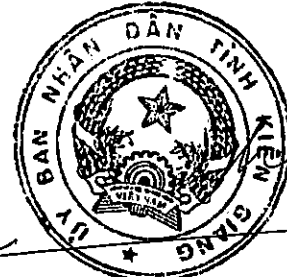
- Một số thẻ BHYT của trẻ em dưới 6 tuổi, do thẻ BHYT bị mất hoặc thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ... bị sai lệch, nhưng do nhận thức chưa rõ nên đề nghị cấp mới chứ không đề nghị đổi hoặc cấp lại và số lượt trẻ em trùng thẻ BHYT này lại luân chuyển sang những năm tiếp theo. Một số thẻ của trẻ em dưới 6 tuổi được cấp trùng lặp do đại diện làm thẻ của trẻ là cha hoặc mẹ, thời gian thẻ được cấp một lần có giá trị là 05 năm. Quá trình lập danh sách các đối tượng để được mua, cấp thẻ BHYT thực hiện ở nhiều thời điểm khác nhau, không thống nhất dẫn đến danh sách các đối tượng được lập lại nhiều lần. Thẻ BHYT của học sinh, sinh viên một số bị thiếu thông tin về địa chỉ của học sinh, chỉ cung cấp thông tin về lớp học....

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát việc cấp thẻ BHYT cho các đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng BHYT năm 2019 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp./

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- BHXH Việt Nam;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: STC, GD&ĐT, LĐTB&XH;
- BHXH tỉnh;
- Chánh, Phó CVP;
- Phòng VHXX;
- Lưu: VT, phttran.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thanh Bình

KIÊN GIANG



**HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, RÀ SOÁT CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ
CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC NSNN HỖ TRỢ MỨC ĐÓNG NĂM 2019**

Báo cáo số: 141/BC-UBND, ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT | Thứ tự đối tượng tham gia BHYT | Số thẻ bảo hiểm y tế đã phát hành | | Số liệu xác định lại | | | Số liệu cấp trùng thẻ bảo hiểm y tế | | | |
|-------|--|-----------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|-------------------------------------|--------------------|-------------------------|---------------------------------|
| | | Số người | Số tiền | Số người | Mức NSNN đóng, hỗ trợ | Số tiền | Số người | Số tiền | trong đó | |
| | | | | | | | | | Đối tượng do TW quản lý | Đối tượng do địa phương quản lý |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=1-3 | 7=2-5 | 8 | 9 |
| | Tổng số | 903,510 | 624,395,697,791 | 903,219 | | 624,195,787,271 | 291 | 199,910,520 | 911,700 | 198,998,820 |
| 1 | Cán bộ xã đã nghỉ việc hưởng trợ cấp NSNN hàng tháng | 1 | 777,600 | 1 | 100% | 777,600 | - | - | - | - |
| 2 | Người có công với cách mạng | 10,772 | 8,657,101,350 | 10,772 | 100% | 8,657,101,350 | - | - | - | - |
| 3 | Cựu chiến binh | 6,093 | 2,769,441,200 | 6,093 | 100% | 2,769,441,200 | - | - | - | - |
| 4 | Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ | 8,528 | 7,670,785,400 | 8,526 | 100% | 7,669,230,200 | 2 | 1,555,200 | - | 1,555,200 |
| 5 | Đại biểu Quốc Hội, hội đồng nhân dân đương nhiệm | 1,114 | 856,934,100 | 1,114 | 100% | 856,934,100 | - | - | - | - |
| 6 | Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng | 37,871 | 29,399,546,700 | 37,864 | 100% | 29,394,103,500 | 7 | 5,443,200 | - | 5,443,200 |
| 7 | Người nghèo, dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng ĐBKK, xã đảo, huyện đảo | 397,724 | 304,260,817,050 | 397,531 | 100% | 304,113,685,050 | 193 | 147,132,000 | - | 147,132,000 |
| 8 | Thân nhân người có công với cách mạng | 8,643 | 6,689,659,050 | 8,643 | 100% | 6,689,659,050 | - | - | - | - |
| 9 | Thân nhân của lực lượng vũ trang, cơ yếu | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | - Thân nhân của lực lượng quân đội nhân dân | 3,354 | 1,927,361,250 | 3,354 | 100% | 1,927,361,250 | - | - | - | - |
| | - Thân nhân của công an nhân dân | 4,524 | 3,376,382,400 | 4,522 | 100% | 3,375,470,700 | 2 | 911,700 | 911,700 | - |
| | - Thân nhân của người làm công tác cơ yếu | 9 | 5,737,500 | 9 | 100% | 5,737,500 | - | - | - | - |
| 10 | Trẻ em dưới 6 tuổi | 161,953 | 138,535,133,850 | 161,907 | 100% | 138,502,116,900 | 46 | 33,016,950 | - | 33,016,950 |
| 11 | Người đã hiến bộ phận cơ thể | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 12 | Người thuộc hộ gia đình cận nghèo | 52,036 | 38,769,958,744 | 52,024 | 100% | 38,761,076,644 | 12 | 8,882,100 | - | 8,882,100 |
| 13 | Học sinh, sinh viên | 201,868 | 77,619,250,823 | 201,840 | 40% | 77,616,581,693 | 28 | 2,669,130 | - | 2,669,130 |
| 14 | Hộ gia đình làm NLND nghiệp có mức sống trung bình | 9,020 | 3,856,810,773 | 9,019 | 40% | 3,856,510,533 | 1 | 300,240 | - | 300,240 |